

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11- 01- 2022

V/v: Ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Tuấn.

Ông Vũ Hùng Hạnh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mừng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 122/2021/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thanh T; sinh năm 1985; cư trú tại: Xóm A, xã B, huyện C, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

- Bị đơn: Anh Trần Thanh N; sinh năm 1981; cư trú tại: Xóm A, xã B, huyện C, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Thanh N tự nguyện tìm hiểu, kết hôn, đã được UBND xã B cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04- 5- 2005. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N ăn chơi, cờ bạc, rượu chè, bỏ bê công việc, hay gây sự đánh đập vợ con lại còn có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Vì các con chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh N không thay đổi. Nay chị xác định không

còn tình cảm với anh N, không còn cơ hội hàn gắn hạnh phúc nên chị xin ly hôn anh Trần Thanh N.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Trần Thị Trà My, sinh ngày 16-01-2006; Trần Tuệ Anh, sinh ngày 02-3-2012 và Trần Phúc An, sinh ngày 14-10-2014. Khi ly hôn chị nhận nuôi cả ba con chưa thành niên, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị không đề nghị giải quyết.

Đối với anh Trần Thanh N: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N nhưng anh N không trình bày quan điểm và không đến của Tòa án để làm việc.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại xã B, huyện C: Việc kết hôn, chung sống vợ chồng, nuôi con chung như chị Phạm Thị Thanh T trình bày là đúng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Thanh T và anh Trần Thanh N. Căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao các con chung Trần Thị Trà My, sinh ngày 16-01-2006; Trần Tuệ Anh, sinh ngày 02-3-2012 và Trần Phúc An, sinh ngày 14-10-2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Thanh N được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thanh T và anh Trần Thanh N kết hôn hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng của chị T và anh N không có hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân, anh N không đến Tòa án để làm việc, không tham gia hòa giải. Như vậy, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Thanh T và anh Trần Thanh N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Thanh T và anh Trần Thanh N, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về việc nuôi con: Xác định vợ chồng chị Phạm Thị Thanh T và anh Trần Thanh N có 03 con chung là Trần Thị Trà My, sinh ngày 16-01-2006; Trần Tuệ Anh, sinh ngày 02-3-2012 và Trần Phúc An, sinh ngày 14-10-2014. Căn cứ vào nguyện vọng của các con, điều kiện và nguyện vọng nuôi con và quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; đủ cơ sở giao cho chị Phạm Thị

Thanh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung; ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị Thanh T không yêu cầu anh Trần Thanh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị Thanh T là nguyên đơn nên phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Thanh T và anh Trần Thanh N.

2. Về việc nuôi con chung chưa thành niên: Căn cứ các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; giao cho chị Phạm Thị Thanh T trực tiếp nuôi cả 03 chung Trần Thị Trà My, sinh ngày 16-01-2006; Trần Tuệ Anh, sinh ngày 02-3-2012 và Trần Phúc An, sinh ngày 14-10-2014; ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị Thanh T không yêu cầu anh Trần Thanh N cấp dưỡng nuôi con. Anh Trần Thanh N không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc: Chị Phạm Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000013 ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy. Chị Phạm Thị Thanh T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh + Huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS Huyện: 01 bản;
- UBND xã B: 01 bản;
- Các đương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Duyên